

KHẢO SÁT KẾT QUẢ THI ĐẤU CỦA ĐỘI TUYỂN ĐIỀN KINH VIỆT NAM TẠI CÁC KỲ ASIAD GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

Nguyễn Đại Dương⁽¹⁾
Phạm Tuấn Hiệp⁽²⁾

Tóm tắt:

Trên cơ sở khảo sát một số yếu tố (đặc điểm) của VĐV tham gia thi đấu Điền kinh tại các kì Asiad giai đoạn 2010 - 2018, các tác giả đã đề xuất một số nội dung mang tính định hướng cho sự phát triển Điền kinh Việt Nam trong giai đoạn mới.

Từ khóa: Đội tuyển Điền kinh; Asiad 2010-2018.

Survey on the results of the Vietnam Athletics Team at the Asian Games in the 2010-2018 period

Summary:

On the basis of surveying a number of factors (characteristics) of athletes participating in athletics competitions at the Asian Games in the period 2010 - 2018, the research project proposes a number of oriented contents for the development of Athletics.

Keywords: Athletics Team; Asiad 2010-2018.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại hội thể thao Châu Á hay (Asiad hay Asian Games) là sự kiện thể thao được tổ chức bốn năm một lần với sự tham gia của các đoàn vận động viên các nước Châu Á. Giải thể thao này do Hội đồng Olympic Châu Á (OCA) tổ chức dưới sự giám sát của Ủy ban Olympic Quốc tế (IOC) và được coi là sự kiện thể thao tập trung thi đấu nhiều môn thể thao thứ hai trên thế giới, chỉ sau Đại hội Olympic. Tham gia và đạt thành tích tại Asiad là mục tiêu đặt ra của tất cả các đội tuyển thể thao của các quốc gia Châu Á, trong đó có Điền kinh Việt Nam. Tuy nhiên làm thế nào để phát triển bền vững Điền kinh Việt Nam, đủ sức vươn tầm tới châu lục và thế giới là vấn đề không đơn giản, cần có chiến lược với sự tham gia đồng bộ, toàn diện của cả hệ thống từ Trung ương đến địa phương. Trên cơ sở kết quả khảo sát phân tích một số yếu tố của Đội tuyển Điền kinh Việt Nam tại các kì Asiad (giai đoạn 2010-2018), chúng tôi đề xuất một số nội dung định hướng trong sự phát triển bền vững Điền kinh Việt Nam.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Để giải quyết nhiệm vụ nghiên cứu, trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp chuyên gia và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thành công của Điền kinh Việt Nam qua các kì Asiad (giai đoạn 2010-2018)

Kết quả thống kê về số lượng VĐV và nội dung thi đấu tại các kì Asiad (2010 -2018) được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy:

Số lượng VĐV tham gia thi đấu tăng dần qua các kỳ đại hội, trong đó số lượng VĐV nữ lớn hơn so với VĐV nam ở tất cả các kỳ đại hội. Tương ứng với đó, số lượng các nội dung tham gia thi đấu tại các kỳ đại hội cũng tăng nhanh và số lượng nội dung tham gia của nữ cao hơn nam.

So sánh tỷ lệ số lượng VĐV/ nội dung thi đấu cho thấy, ở các kỳ đại hội sau tính chuyên môn hóa của các vị trí thi đấu cao hơn các kỳ đại hội

⁽¹⁾GS.TS, ⁽²⁾TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Bảng 1. Thống kê số lượng VĐV và nội dung thi đấu

TT	Giới tính	Chỉ số thống kê	Năm 2010	Năm 2014	Năm 2018
1	Nam	Số VĐV	1	3	6
2		Nội dung thi đấu	1	4	7
3	Nữ	Số VĐV	2	6	16
4		Nội dung thi đấu	4	6	11
Tổng		Số lượng VĐV/ Nội dung thi đấu	3/ 5	9 / 10	22 / 18

Bảng 2. Số lượng huy chương của ĐKVN đạt được qua các kì Asiad

Thành tích	ASIAD 2010	ASIAD 2014	ASIAD 2018	Tổng
Huy chương vàng (nữ/nam)	0/0		2/0	2
Huy chương bạc (nữ/nam)	3/0	2/0	0/0	5
Huy chương đồng (nữ/nam)	1/1		3/0	5
Tổng số huy chương (nữ/nam)	4/1	2/0	5/0	12
Xếp hạng Điền kinh (VN/Tổng số)	13/18	15/18	9/22	-
Số huy chương ĐKVN/ Số huy chương Đoàn TTVN	4/33	2/36	5/38	-
Xếp hạng Đoàn Thể thao Việt Nam	24/45	21/37	17/37	-

trước. Nếu như năm 2010, có 3 VĐV tham gia thi đấu tới 5 nội dung, tức là 1 VĐV tham gia thi đấu ở nhiều nội dung thì tới năm 2018, 22 VĐV tham gia thi đấu tổng số 18 nội dung, chứng tỏ đã có sự chuyên môn hóa cao cho từng vị trí thi đấu.

Thống kê thành tích của Điền kinh Việt Nam tại các kỳ Asiad được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy:

- Ở tất cả các kỳ Asiad từ năm 2010 - 2018, các VĐV Điền kinh Việt Nam đều giành huy chương. Số lượng huy chương tập trung chủ yếu ở VĐV nữ (chiếm tới 11 trên tổng số 12 huy chương các loại). Tuy nhiên, thành tích Điền kinh Việt Nam vẫn ở vị trí 13/18 ở Asiad 2010, thậm chí 15/18 ở ASIAD 2014. Chỉ đến năm 2018, khi lần đầu tiên có Huy chương vàng, vị trí của Điền kinh Việt Nam mới được cải thiện trong top 10 (đứng thứ 9/22 đội tuyển tham dự).

- Việc xác định và lựa chọn đúng các nội dung thi đấu của VĐV nữ đã góp phần tạo nên thành công của đội tuyển Điền kinh Việt Nam. Asiad 2018, các nữ VĐV tạo nên kì tích khi

giành 2 huy chương vàng ở nội dung chạy 400 m rào và nhảy xa.

- Số lượng huy chương Điền kinh Việt Nam đóng góp chung cho đoàn Thể thao Việt Nam đạt tỷ lệ cao nhất ở năm 2018. Đặc biệt, kết quả 2 HCV Điền kinh tại Asiad 2018 có ý nghĩa vô cùng to lớn không chỉ đối với Điền kinh Việt Nam, mà còn góp phần thay đổi thứ hạng của Đoàn Thể thao Việt Nam (17/27)

2. Một số đặc điểm của Điền kinh Việt Nam tại các kì Asiad (2010-2018)

Việc phân tích đặc điểm của Điền kinh Việt Nam qua các kỳ Asiad giúp chỉ ra những ưu thế (điểm mạnh) và điểm hạn chế để có những lựa chọn và điều chỉnh phù hợp hơn trong định hướng phát triển Điền kinh Việt Nam trong những năm tiếp theo.

2.1. Đặc điểm nội dung thi đấu của VĐV

Thống kê chi tiết nội dung thi đấu của Điền kinh Việt Nam tại các kỳ ASIAD từ 2010 - 2018 đối với nam VĐV được trình bày tại bảng 3 và nữ VĐV được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 3 và bảng 4 cho thấy:

Bảng 3. Thống kê nội dung thi đấu của nam VĐV Điền kinh qua các kỳ Asian Games từ 2010 - 2018

TT	Nội dung thi đấu	Năm 2010	Năm 2014	Năm 2018
1	400m			*
2	400m rào			*
3	TS 4x400m hỗn hợp			*
4	800m		*	*
5	1500m		*	*
6	5000m		*	
7	Nhảy xa			*
8	Nhảy 3 bước		*	*
9	10 môn phối hợp	**		
Tổng số NDTĐ		1	4	7

* Nội dung thi đấu; ** Nội dung thi đấu đạt huy chương

Bảng 4. Thống kê nội dung thi đấu của nữ VĐV Điền kinh qua các kỳ Asian Games từ 2010 - 2018

TT	Nội dung thi đấu	Năm 2010	Năm 2014	Năm 2018
1	100m	**	*	*
2	100m rào			*
3	TS 4x100m			*
4	200m	**	*	*
5	400m		**	*
6	400m rào			* *
7	TS 4x400m			**
8	TS 4x400m hỗn hợp			*
9	800m	**	*	*
10	1500m	**		*
11	3000m CNV			**
12	Nhảy xa		**	**
13	Nhảy cao		*	*
14	Nhảy 3 bước			**
Tổng số NDTĐ		4	6	14

* Nội dung thi đấu; ** Nội dung thi đấu đạt huy chương

- Về kết quả thành tích thi đấu của nam VĐV trong 3 kì đại hội đều thấp hơn so với nữ VĐV. Điều này cho thấy trong những năm tới, việc lựa chọn nội dung thi đấu cần có sự tập trung ưu tiên các nội dung thi đấu của nữ sẽ mang lại hiệu quả cao hơn về kết quả thành tích thi đấu cũng như về mặt tài chính (Tham khảo kết quả tại SEA

Games 31 cũng cho thấy, trong 22 HCV môn Điền kinh có 14 HCV thuộc về các nữ VĐV).

- Qua 3 kì đại hội, các nữ VĐV điền kinh đã đạt được 11 (2 HCV) trên tổng số 12 huy chương. Trong số 11 huy chương vàng, bạc, đồng có 8/11 thuộc về nội dung các cự ly chạy (trong đó có 1 HCV). Kết quả này cho thấy nội

dung thi đấu các cự ly chạy là thể mạnh của các VĐV nữ, được xác định là nội dung trọng điểm, cần tập trung đầu tư đào tạo (Tham khảo kết quả tại SEA Games 31 cũng cho thấy đặc điểm này, trong 14 HCV của các VĐV nữ đạt được có 8 HCV giành được từ nội dung thi đấu trên các cự ly chạy khác nhau).

2.2. Đặc điểm lứa tuổi của VĐV

Thống kê đặc điểm lứa tuổi của VĐV Điền kinh Việt Nam tham gia các kỳ Asiad từ năm 2010 - 2018 được trình bày tại bảng 5.

Bảng 5. Thống kê độ tuổi của các VĐV Điền kinh Việt Nam tham dự các kỳ Asiad (giai đoạn 2010 - 2018)

Tham số thống kê	Nam	Nữ
Tuổi trung bình	24.83	23.54
Độ lệch chuẩn	3.97	2.93
CV %	15.99	12.46
Max	32	28
Min	21	21

Qua bảng 5 cho thấy:

- Tuổi trung bình của các VĐV tham gia thi đấu Asiad ở cả nam (tuổi TB 24,83) và nữ (tuổi TB 23,54) đều nằm trong vùng tuổi phát triển thành tích thể thao. Theo Zasiorski, vùng tuổi duy trì thành tích thể thao cao trong môn Điền kinh ở nam là 28 và nữ là 26. Điều này đặt ra

vấn đề quan trọng và cấp thiết trong việc tuyển chọn và đào tạo VĐV kế cận chuẩn bị lực lượng kế cận cho chu kì đại hội tiếp theo (năm 2022).

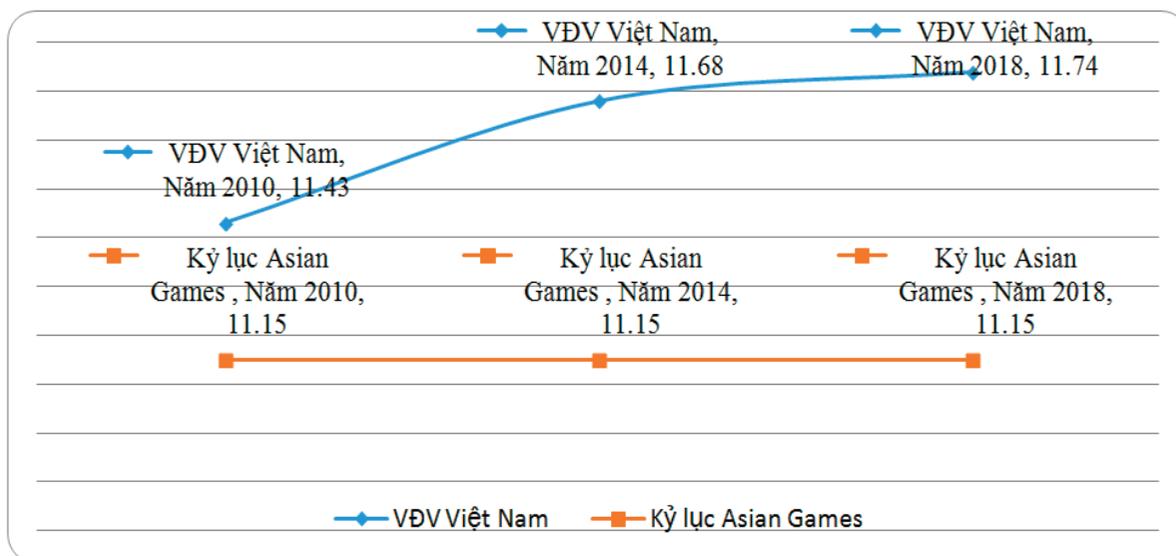
- Khoảng cách chênh lệch lớn về lứa tuổi của các VĐV nam và nữ tham dự Asiad cho thấy sự hẫng hụt lực lượng VĐV kế cận (CV > 10%). Trong thực tế huấn luyện, mỗi nội dung thi đấu luôn phải chú ý số lượng VĐV suất sắc, nguồn dự bị kế cận để bổ sung kịp thời.

2.3. So sánh thành tích của nữ VĐV Điền kinh Việt Nam với kỷ lục Asiad

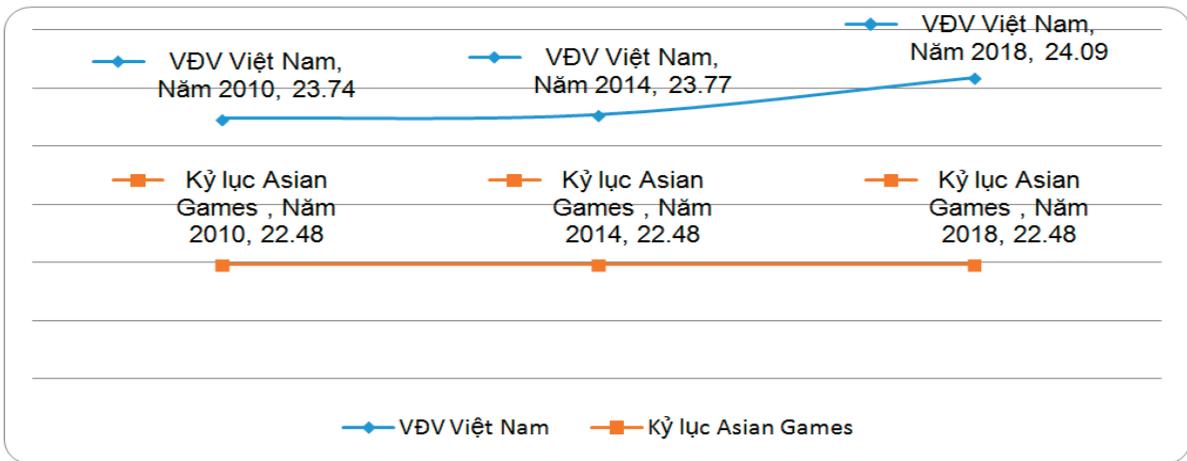
Các nội dung chạy ngắn (100m và 200m) và chạy trung bình (800m) của nữ tham gia có tính hệ thống, liên tục trong cả 3 kì ASIAD. Chúng tôi tiến hành so sánh thành tích của nữ VĐV Việt Nam với kỷ lục Asiad, kết quả được trình bày tại biểu đồ 1,2, 3.

Thành tích chạy 800m của các nữ VĐV Việt Nam giảm dần, khoảng cách chênh lệch so với mức kỷ lục Asian Games tổ chức năm 2010 tại Quảng Châu -Trung Quốc (của nữ VĐV Trương Thanh Hằng) với mức 1,58% và Asian Games tổ chức năm 2018 tại Jakarta – Indonesia (của nữ VĐV Vũ Thị Ly) với mức 9,2%.

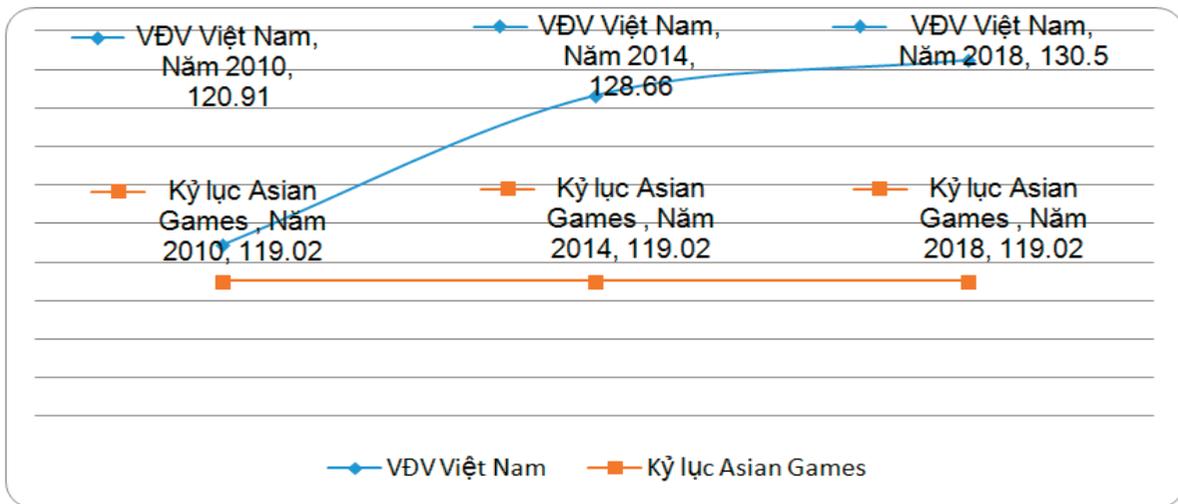
Khảo sát thành tích của nữ VĐV chạy cự ly ngắn và trung bình Việt Nam và so sánh với kỷ lục Asiad cho thấy, thành tích của VĐV Việt Nam có chiều hướng giảm dần qua các kỳ đại hội ở cả 3 nội dung chạy 100m, 200m và 800m (các nội dung thi đấu liên tục trong cả 3 kì đại



Biểu đồ 1. So sánh thành tích chạy 100m của nữ VĐV Điền kinh Việt Nam với kỷ lục Asiad (giai đoạn 2010-2018)



Biểu đồ 2. So sánh thành tích chạy 200m của nữ VĐV Điền kinh Việt Nam với kỷ lục Asiad (giai đoạn 2010-2018)



Biểu đồ 3. So sánh thành tích chạy 800m của nữ VĐV Điền kinh Việt nam với kỷ lục Asiad (giai đoạn 2010-2018)

hội). Một trong các nguyên nhân chính là việc bổ sung thay thế VĐV trẻ chưa hội tụ đủ các năng lực, phẩm chất cần thiết để sẵn sàng giành huy chương tại các đấu trường lớn.

3. Một số định hướng phát triển bền vững Điền kinh Việt Nam

Phát triển bền vững Điền kinh Việt Nam là một vấn đề lớn, liên quan tới nhiều mặt từ cơ chế chính sách, các nguồn lực đảm bảo như cơ sở vật chất, con người, môi trường... Nghiên cứu phân tích kết quả thi đấu tại các kì Asiad (2010 – 2018) của đội tuyển Điền kinh là cơ sở thực tiễn quan trọng trong việc hoạch định phát triển bền vững Điền kinh Việt Nam. Một số định hướng đặt ra như sau:

1. Quá trình phát triển của Điền kinh Việt Nam luôn gắn với sự phát triển các nội dung thi

đấu, tạo cơ hội phát huy tối đa năng lực của VĐV. Tuy nhiên cần lựa chọn các nội dung thi đấu ít chịu ảnh hưởng của cấu trúc hình thái cơ thể, phù hợp với năng lực phẩm chất người Việt Nam: kiên trì, cần cù, chịu khó... Từ vấn đề trên, kết hợp với kết quả thành tích thi đấu cho thấy một trong những nội dung thi đấu cần ưu tiên lựa chọn và xác định là nội dung thể mạnh, truyền thống, cần tập trung đầu tư là nội dung thi đấu trên các cự li chạy.

2. Trong xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, để đáp ứng nhiệm vụ trước mắt và mục tiêu lâu dài của Điền kinh Việt Nam hướng tới các giải đấu châu lục và thế giới (Asiad 2022, 2026, 2030 và Olympic 2028, 2032) cần lựa chọn và chú trọng ưu tiên tập trung đầu tư cho các nội dung thi đấu của nữ.



Những cô gái vàng của Điền kinh Việt Nam trên các đấu trường khu vực, châu lục và thế giới

3. Tăng cường, mở rộng nguồn đào tạo VĐV trẻ đảm bảo về số lượng và chất lượng, hội tụ đủ các năng lực phẩm chất cần thiết cho các cuộc thi đấu đỉnh cao để kịp thời bổ sung thay thế và trẻ hóa thành phần đội tuyển.

KẾT LUẬN

Từ những kết quả thực trạng thi đấu của Đội tuyển Điền kinh Việt Nam tại các Đại hội thể thao Châu Á giai đoạn 2010 – 2018, chúng tôi có một số kết luận sau:

1. Đội tuyển Điền kinh Việt Nam qua 3 kỳ Đại hội thể thao Châu Á (2010 - 2018) đã có bước phát triển mạnh về số lượng VĐV và nội dung thi đấu, góp phần to lớn vào sự thành công của Đoàn Thể thao Việt nam.

2. Cơ cấu thành phần Đội tuyển Điền kinh tập trung vào nội dung thi đấu của nữ trên các cự ly chạy đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Tuy nhiên còn một số hạn chế về độ tuổi và đội ngũ VĐV trẻ bổ sung còn hạn chế, chưa hội tụ đủ điều kiện cần thiết để sẵn sàng đạt thành tích cao tại các giải cấp châu lục và thế giới.

3. Đề xuất 03 định hướng góp phần phát triển bền vững Điền kinh Việt Nam: Lựa chọn nội dung thi đấu; Ưu tiên tập chung các nội dung thi đấu của VĐV nữ; Đào tạo VĐV viên trẻ đảm bảo về số lượng và chất lượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đại Dương và cộng sự (2017), *Điền kinh*, Nxb TDTT, Hà Nội.
2. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2006), *Lý luận và phương pháp TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Harre D (1996), *Học thuyết huấn luyện*, (Dịch: Trương Anh Tuấn, Bùi Thế Hiền), Nxb TDTT, Hà Nội.
4. Liên đoàn Điền kinh Việt Nam, *Hồ sơ lưu trữ*.
5. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 3/12/2010 phê duyệt Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020*.

(Bài nộp ngày 7/11/2022, Phản biện ngày 8/11/2022, duyệt in ngày 2/12/2022)

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Đại Dương,
Email: nguyendaiduongtdtt@gmail.com)

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO

2. TRƯƠNG QUỐC UYÊN

Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra đường lối Thể dục thể thao các giai đoạn đầu thế kỷ XXI

Truong Quoc Uyen

The Communist Party of Vietnam sets out the line of Sports in the early stages of the 21st century

BÀI BÁO KHOA HỌC

PHẦN 1.

QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO VÀ THỂ DỤC THỂ THAO QUẦN CHÚNG

6. NGUYỄN VĂN PHÚC; NGUYỄN VĂN TUẤN

Thực trạng quản trị rủi ro trong hoạt động Thể dục thể thao ở Việt Nam

Nguyen Van Phuc; Nguyen Van Tuan

The current situation of risk management in sport activities in Vietnam

10. ĐINH QUANG NGỌC; NGUYỄN NGỌC TUẤN; NGUYỄN VĂN TUẤN

Thực trạng môi trường văn hóa ở cơ sở tập luyện thể thao tại Trung tâm Huấn luyện Thể thao Quốc gia Đà Nẵng từ góc độ văn hóa phi vật thể

Dinh Quang Ngoc; Nguyen Ngoc Tuan; Nguyen Van Tuan

Actual situation of sports training facilities' cultural environment at the Danang National Sports Training Center from the perspective of intangible culture

15. NGUYỄN NHƯ QUỲNH; ĐẶNG HOÀI AN; NGÔ HỮU THẮNG

Thực trạng thời gian tập luyện và công tác quản lý sinh hoạt nội vụ của vận động viên tại Trung tâm đào tạo vận động viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Nhu Quynh; Dang Hoai An; Ngo Huu Thang

Situation of athletes' management in internal activities at the Athlete Training Center, Bac Ninh Sports University

20. LÊ VĂN MẠNH

Thực trạng và tiềm năng phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng tại phường Châu Khê, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Le Van Manh

Current status and potential for the development of public sports movement in Chau Khe ward, Tu Son city, Bac Ninh province

25. LÝ ĐỨC TRƯỜNG; CHU THỊ MINH

Giải pháp nâng cao thể lực cho sinh viên năm thứ hai Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam

Ly Duc Truong; Chu Thi Minh

Solutions to improve physical fitness for second-year students at the Vietnam National Academy of Music

30. NGUYỄN VĂN HÒA; NGUYỄN TIẾN SƠN

Kết quả thực hiện chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng An ninh năm học 2021-2022 tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng an ninh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Van Hoa; Nguyen Tien Son

Results in implementing the National Defense and Security Education subject program in the school year 2021-2022 at the Center for National Defense and Security Education, Bac Ninh Sports University

37. LƯƠNG THỊ HÀ

Biện pháp phát triển phong trào tập luyện Thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Ngành Sư phạm Mầm non Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Luong Thi Ha

Measures to develop the students' extracurricular sports movement in the Faculty of Kindergarten Education, Hanoi National University of Education

41. TRỊNH THỊ BẠN

Thực trạng tập luyện TDTT ở người cao tuổi tại huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Trinh Thi Ban

Actual situation of sports practice of the elderly in Hung Nguyen district, Nghe An province

44. NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG; NGUYỄN THỊ VIỆT NGA; NGUYỄN VĂN HẢI; PHẠM THANH TÙNG; NGUYỄN KHẮC DƯỢC

Thực trạng chất lượng giấc ngủ của người cao tuổi khu phố Mới, Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh

Nguyen Thi Thuy Duong; Nguyen Thi Viet Nga; Nguyen Van Hai; Pham Thanh Tung; Nguyen Khac Duoc

Current situation of the elderly's sleep quality in Pho Moi, Trang Ha, Tu Son, Bac Ninh

48. VŨ QUỲNH NHƯ; NGUYỄN ĐĂNG ĐIỆP

Giải pháp đáp ứng nhu cầu xã hội trong đào tạo cử nhân Thể dục thể thao chuyên ngành Điền kinh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh đến năm 2025 và tầm nhìn 2030

Vu Quynh Nhu; Nguyen Dang Diep

Solutions to satisfy social requirements in educating Bachelor in Athletics, Physical Education and Sports major at Bac Ninh Sports University until 2025 with a vision to 2030

53. TRẦN QUỐC HÙNG; ĐẬU ANH TUẤN; NGUYỄN VĂN LUẬN

Cơ sở xây dựng các môn thể thao dân tộc vào chương trình Giáo dục thể chất cho học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Tran Quoc Hung; Dau Anh Tuan; Nguyen Van Luan

Scientific basis for immigrating ethnic sports into the Physical Education program for pupils and university students in Lam Dong province

57. VŨ CHUNG THUY; MAI THỊ BÍCH NGỌC; NGUYỄN THANH TÙNG

Thực trạng mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của nguồn nhân lực cử nhân Thể dục thể thao chuyên ngành Võ – Quyền anh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh giai đoạn 2015-2019

Vu Chung Thuy; Mai Thi Bich Ngoc; Nguyen Thanh Tung

Status of social demand satisfaction of human resources having Bachelor's degree in Martial Arts - Boxing major at the Bac Ninh Sports University in the period 2015-2019

61. DƯƠNG THÁI BÌNH

Định hướng đổi mới chương trình môn học Giáo dục thể chất cho sinh viên không chuyên Trường Đại học Hồng Đức theo hướng đào tạo hướng dẫn viên Thể dục thể thao cấp cơ sở

Duong Thai Binh

Orientation to innovate the Physical Education curriculum for non-PE specialized students at Hong Duc University in the direction of training root-level sports instructors

66. PHẠM ĐỨC VIỄN

Thực trạng nội dung chương trình đào tạo cử nhân Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc

Pham Duc Vien

The current situation of Bachelor's degree training program content in Physical Education major at the Tay Bac University

70. LÊ THỊ THANH THỦY; NGUYỄN TRỌNG BÓN; LƯU XUÂN THÁI

Thực trạng nguồn nhân lực cử nhân TĐTT chuyên ngành Bóng ném, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Le Thi Thanh Thuy; Nguyen Trong Bon; Luu Xuan Thai

The current situation of human resources having Bachelor's degree in Handball major at the Bac Ninh Sports University

77. TRƯƠNG ĐỨC THẮNG; NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG; NGUYỄN SONG TUẦN HẢI

Thực trạng kết quả đào tạo cử nhân ngành Y sinh học Thể dục thể thao tại Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Truong Duc Thang; Nguyen Thi Thuy Duong; Nguyen Song Tuan Hai

The actual results in the Bachelor degree Education program in the Biomedicine and Sports major at Bac Ninh Sports University

80. MAI THỊ BÍCH NGỌC; PHAN ĐỨC THẮNG

Xu hướng phát triển và dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cử nhân TĐTT chuyên ngành Võ – Quyền Anh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh giai đoạn 2025 tầm nhìn 2030

Mai Thi Bich Ngoc; Phan Duc Thang

Development tendency and demand forecast for human resources having Bachelor's degree in Martial Arts - Boxing major at the Bac Ninh Sports University in the period 2025 with a vision to 2030

PHẦN 2. GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC

85. NGUYỄN MỸ VIỆT

Thực trạng trình độ thể lực của học sinh các trường Trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Tuyên Quang

Nguyen My Viet

The current state of physical fitness levels of high school students in Tuyen Quang city

89. LƯƠNG LÊ NGỌC HẢI; LÊ QUỐC VIỆT; PHAN TRUNG KIÊN

Lựa chọn bài tập phát triển sức bền tốc độ cho nam sinh viên đội Bóng đá Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân

Luong Le Ngoc Hai; Le Quoc Viet; Phan Trung Kien

Selection of exercises in order to develop speed endurance for male students in the National Economics University's football team

93. HOÀNG THỊ THÙY TRANG

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả huấn luyện kỹ thuật nhảy ném rổ cự ly xa của nam sinh viên Đội tuyển Bóng rổ Trường Đại học Điện lực

Hoang Thi Thuy Trang

Actual situation of factors affecting the training effectiveness of long-distance ball shooting technique for male students in Electric Power University's basketball team

97. NGÔ VĂN MẠNH

Lựa chọn biện pháp giáo dục định hướng giá trị lối sống cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

Ngo Van Manh

Choosing educational value-oriented lifestyle solutions for students at the University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

104. NGUYỄN VĂN TRUNG

Thực trạng công tác giáo dục thể chất tại Học viện An ninh nhân dân

Nguyen Van Trung

The current situation of physical education works at the People's Security Academy

110. NGUYỄN KIÊM SAO; CHU ĐỨC HIỀN; NGUYỄN VĂN QUANG

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chung cho sinh viên học phần tự chọn Taekwondo Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân

Nguyen Kiem Sao; Chu Duc Hien; Nguyen Van Quang

Choosing exercises to develop general physical strength for students in Martial Arts - Taekwondo class at the National Economics University

114. HÀ MẠNH HƯNG

Tìm hiểu thực trạng hoạt động tự nghiên cứu khoa học của sinh viên K67 Khoa Giáo dục thể chất – trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Ha Manh Hung

Research on the status of self-research activities of K67 students at the Faculty of Physical Education - Hanoi National University of Education

119. CHU XUÂN TIẾN

Thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến trình độ thể lực chung của nữ sinh viên Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông - Đại học Thái Nguyên

Chu Xuan Tien

Situation and causes affecting the general fitness level of female students at the University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

123. NGUYỄN XUÂN HƯƠNG

Thực trạng công tác giảng dạy và hiệu quả thực hiện kỹ thuật đánh bóng gậy sắt trung bình của sinh viên chuyên ngành Golf Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Xuan Huong

The current situation of teaching activities and the effectiveness of performing the ball hitting technique using medium iron bat of Golf-majoring students at Bac Ninh Sports University

128. VŨ THANH TÙNG

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ sức mạnh tốc độ cho nam học viên câu lạc bộ Karate Học viện An ninh nhân dân

Vu Thanh Tung

Developing standards used in assessing speed strength for male students at the Karate club, People's Security Academy

131. ĐINH VĂN HẠNH

Lựa chọn và ứng dụng bài tập phát triển thể lực chuyên môn Võ thuật Công an nhân dân cho nam học viên Học viện An ninh nhân dân

Dinh Van Hanh

Selecting and applying exercises to develop professional physical strength in Martial Arts subject for male students of People's Security Academy

136. PHẠM TRƯỜNG NAM; HÀ THỊ LIÊN

Thực trạng phong trào tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam – phân viện Miền Nam

Pham Truong Nam; Ha Thi Lien

The reality of the extracurricular sports movement of the Vietnam Youth Academy - Southern branch

141. CAO NGỌC THÀNH

Lựa chọn và ứng dụng bài tập nâng cao trình độ tập luyện môn Bóng rổ cho sinh viên Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

Cao Ngoc Thanh

Selecting and applying exercises in order to improve the level of skills in basketball training for students majoring in Physical Education at the Hong Duc University

145. NGÔ QUANG TRUNG; ĐỖ THỊ THU THÚY

Đề xuất biện pháp nâng cao hứng thú trong giờ học Giáo dục thể chất cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh Học viện Tài chính Hà Nội

Ngo Quang Trung; Do Thi Thu Thuy

Proposing measures to increase interest in Physical Education classes for students majoring in English Language at the Hanoi Academy of Finance

150. VŨ THANH TÙNG

Lựa chọn và ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam học viên câu lạc bộ Karate Học viện An ninh nhân dân

Vu Thanh Tung

Selecting and applying speed strength development exercises for male students at the Karate Club, People's Security Academy

154. VÕ XUÂN THỦY; NGUYỄN MẠNH HÙNG; NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG

Nâng cao năng lực dạy học thực hành môn Giáo dục thể chất theo hướng tiếp cận năng lực người học cho sinh viên Khoa Thể dục thể thao, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Vo Xuan Thuy; Nguyen Manh Hung; Nguyen Duc Truong

Improving the teaching Physical Education proficiency in terms of practice, which follows the learner's ability approach, for students at the Faculty of Physical Education, University of Education - Thai Nguyen University

158. LÊ VƯƠNG ANH; NGUYỄN DANH NAM

Xây dựng tiêu chuẩn kiểm tra – đánh giá kết quả học tập thực hành cho sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai chuyên ngành Bóng bàn, Ngành Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Le Vuong Anh; Nguyen Danh Nam

Developing standards in testing and assessing learning outcomes in terms of practice for first- and second-year students majoring in Table Tennis and Sports Training at the Bac Ninh Sports University

162. TRẦN XUÂN GIANG

Thực trạng Chương trình tập luyện ngoại khóa môn Cầu lông của sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

Tran Xuan Giang

Current situation of students' badminton extracurricular course at the University of Information and Communication Technology - Thai Nguyen University

167. TRẦN THỊ HỒNG VIỆT

Hiệu quả ứng dụng các phương tiện hỗ trợ trong giảng dạy kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn cho sinh viên không chuyên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Tran Thi Hong Viet

Effectiveness of applying teaching-aids in teaching basic table tennis techniques for non-PE specialized students at the Bac Ninh Sports University

173. TÓNG THỊ THU HIỀN; ĐÀO VĂN THĂNG

Ứng dụng biện pháp nâng cao hiệu quả dạy và học môn học Quản lý hành chính nhà nước cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Tong Thi Thu Hien; Dao Van Thang

Applying measures to improve the teaching and learning efficiency in the State Administration subject for students at the Bac Ninh Sports University

178. NGUYỄN DUY HÙNG

Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến phong trào tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên khối không chuyên Giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

Nguyen Duy Hung

The current situation of factors affecting the extracurricular sports movement of non-PE specialized students at the Hong Duc University

183. NGHIÊM THỊ GIANG; NGUYỄN TIẾN CHUNG; NGUYỄN VĂN THẠCH

Lựa chọn bài tập thể lực chuyên môn cho nam sinh viên chuyên ngành Vật năm thứ ba Ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nghiem Thi Giang; Nguyen Tien Chung; Nguyen Van Thach

Selecting exercises in order to develop professional fitness for third-year male students majoring in Wrestling, Sport Training at the Bac Ninh Sports University

187. PHẠM CAO CƯỜNG

Lựa chọn và ứng dụng bài tập phát triển thể lực chuyên môn cho nam sinh viên câu lạc bộ Cầu lông Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

Pham Cao Cuong

Selecting and applying exercises to develop professional fitness for male students in the Badminton club, University of Economics and Technical Industry

191. NGÔ THỊ THANH XUÂN

Ứng dụng biện pháp nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Ngo Thi Thanh Xuan

Applying measures to improve student's soft skills at the Bac Ninh Sports University

197. VŨ MINH TÂN

Lựa chọn và ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên Câu lạc bộ Bóng rổ Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp

Vu Minh Tan

Choosing and implementing exercises in order to develop speed strength for male students in the Basketball club, University of Economics and Technical Industry

201. NGUYỄN XUÂN TRỌNG

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chung cho nữ sinh viên Ngành Du lịch Trường Đại học Hồng Đức

Nguyen Xuan Trong

Choosing exercises to develop female students' general fitness at the Faculty of Tourism, Hong Duc University

205. NÔNG VĂN ĐÔNG

Lựa chọn bài tập phát triển sức mạnh tốc độ cho nam sinh viên câu lạc bộ Cầu lông Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên

Nong Van Dong

Choosing exercises to develop speed strength for male students in the Badminton club, University of Information and Communication Technology – Thai Nguyen University

209. NGUYỄN THÀNH LONG

Lựa chọn và đánh giá hiệu quả bài tập phát triển thể lực chuyên môn nội dung Nhảy xa cho nam sinh viên chuyên ngành Điền kinh, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Thanh Long

Selecting exercises and evaluating the effectiveness of those exercises in developing professional physical strength in long jumping for male students majoring in Athletics, Bac Ninh Sports University

214. LÊ THỊ GIANG

Thực trạng hoạt động tập luyện thể dục thể thao ngoại khóa của sinh viên Ngành Sư phạm Mầm non Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Le Thi Giang

The current situation of students' extracurricular sports activities at the Faculty of Kindergarten Education, Hanoi National University of Education

221. NGUYỄN THỊ DIỆP LY

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chung cho nam sinh viên năm thứ nhất Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Hồng Đức

Nguyen Thi Diep Ly

Selecting general physical development exercises for freshmen majoring in Physical Education, Hong Duc University

226. ĐỒNG THỊ BÍCH HỒNG

Lựa chọn và ứng dụng phương pháp tự học nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất cho sinh viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Dong Thi Bich Hong

Selecting and applying self-study methods to improve the students' efficiency in learning the Theory and Methodology of Physical Education subject at Bac Ninh Sports University

229. NGÔ HẢI HƯNG; NGÔ TRUNG DŨNG

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận và trái tay cho sinh viên chuyên ngành Quần vợt năm thứ nhất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Ngo Hai Hung; Ngo Trung Dung

Developing standards to evaluate the effectiveness of forehand and backhand topspin technique of freshmen majoring in Tennis at Bac Ninh Sports University

232. NGUYỄN TIẾN THĂNG

Thực trạng công tác dạy học môn Võ thuật Công An Nhân dân cho Học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân I

Nguyen Tien Thang

The current situation in teaching People's Police Martial Arts to students at the People's Police College I

238. NGÔ GIANG NAM

Lựa chọn giải pháp phát triển phong trào thể dục thể thao ngoại khóa cho sinh viên Trường Đại học Y khoa Vinh

Ngo Giang Nam

Choosing solutions to develop students' extracurricular sports movements at Vinh Medical University

243. VŨ CÔNG LÂM; TRẦN THỊ NHU; TRẦN DUY THÀNH

Ứng dụng bài tập phát triển sức mạnh tốc độ đòn đá phản tống sau cho nam học sinh Đội tuyển Taekwondo Trường Trung học phổ thông Bình Thanh, Kiến Xương, Thái Bình

Vu Cong Lam; Tran Thi Nhu; Tran Duy Thanh

Application of exercises developing male student's speed strength in back kick in Taekwondo team, Binh Thanh High School, Kien Xuong, Thai Binh

247. NGUYỄN VĂN THẠCH; NGUYỄN THỊ KIM NGA

Thực trạng và nguyên nhân dẫn đến các lỗi sai thường mắc trong thực hiện kỹ thuật tấn công khu vực trên lưới của sinh viên Chuyên ngành Cầu lông Ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Van Thach; Nguyen Thi Kim Nga

The current situation and causes of students' common mistakes in the implementing on-net attack technique in Badminton major, Department of Physical Education, Bac Ninh Sports University

251. LÊ QUANG CHUNG

Ứng dụng Tổ hợp bài tập Thể dục Aerobic nhằm nâng cao thể lực cho nữ sinh viên Ngành Quản trị Kinh doanh – Khách sạn nhà hàng Trường Đại học Khánh Hòa

Le Quang Chung

Application of aerobic exercise combination to improve fitness for female students in the Faculty of Business Administration - Hotel and Restaurants, Khanh Hoa University

255. PHẠM TUẤN HIỆP; LỘC ĐÌNH CƯƠNG; NGUYỄN XUÂN TUẤN

Đề xuất biện pháp khai thác hiệu quả Internet và mạng xã hội phục vụ hoạt động học tập cho sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Pham Tuan Hiep; Loc Dinh Cuong; Nguyen Xuan Tuan

Proposing measures to effectively exploit the Internet and social networks to serve learning activities for regular students at Bac Ninh Sports University

260. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG; VÕ XUÂN THỦY; NGUYỄN THÀNH TRUNG

Thực trạng năng lực thích ứng nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

BÀI BÁO KHOA HỌC

Nguyen Duc Trung; Vo Xuan Thuy; Nguyen Thanh Trung

The current situation of career adaptability capacity of students majoring in Physical Education, Thai Nguyen University of Education

267. CHU VƯƠNG THÌN; TRẦN VĂN HƯNG

Ứng dụng bài tập phát triển sức bền tốc độ nội dung Chạy cự ly ngắn cho nam sinh viên ngành Giáo dục thể chất năm thứ nhất Trường Đại học Tây Nguyên

Chu Vuong Thin; Tran Van Hung

Application of exercises to develop endurance, speed, short distance running for male students majoring in Physical Education in the first year of Tay Nguyen University

272. NGUYỄN VĂN TOÀN; CAO TRƯỜNG GIANG; LÊ TRỌNG ĐỘNG

Đánh giá bộ đề kiểm tra giữa kỳ trắc nghiệm khách quan học phần Bóng rổ cho sinh viên Học viện Nông Nghiệp Việt Nam

Nguyen Van Toan; Cao Truong Giang; Le Trong Dong

Evaluation of the objective test midterm exam for the Basketball module for students of the Vietnam Academy of Agriculture

278. PHÙNG ĐỨC THÀNH; NGUYỄN THỊ VIỆT ANGA

Lựa chọn và đánh giá hiệu quả ứng dụng các bài tập phát triển sức mạnh tốc độ trong môn vượt vật cản cho học viên năm thứ 2 Trường Đại học Trần Quốc Tuấn (Trường Sĩ quan Lục quân 1)

Phung Duc Thanh; Nguyen Thi Viet Nga

Selecting and evaluating the effectiveness of applying exercises to develop strength and speed in obstacle course for 2nd year students of Tran Quoc Tuan University (Army Officer School 1)

282. NGUYỄN XUÂN HƯƠNG; NGUYỄN HOÀNG TUẤN CƯỜNG

Lựa chọn bài tập nâng cao hiệu quả thực hiện kỹ thuật đánh bóng gậy sắt trung bình cho sinh viên chuyên ngành Golf Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Xuan Huong; Nguyen Hoang Tuan Cuong

Selecting exercises to improve the efficiency of hitting the average iron ball technique for students majoring in Golf, Bac Ninh Sports University

286. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH; LÊ NGỌC NHUNG; NGÔ THÚY HƯƠNG

Thực trạng học tập theo nhóm các môn học lý thuyết của sinh viên Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Thi Phuong Oanh; Le Ngoc Nhung; Ngo Thuy Huong

Actual situation of group study of theoretical subjects of students at Bac Ninh Sports University

291. ĐINH HÙNG TRƯỜNG; ĐẶNG HOÀI AN; TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

Thực trạng các phương pháp giảng dạy môn Cầu lông cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế kỹ thuật công nghiệp

Dinh Hung Truong; Dang Hoai An; Tran Thi Phuong Thao

The current situation of teaching methods of badminton for students of the University of Industrial Economics and Technology

295. LÊ NGỌC NHUNG

Thực trạng năng lực sư phạm của sinh viên chuyên ngành Bóng rổ ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Le Ngoc Nhung

Current status of pedagogical capacity of students majoring in Basketball in the Physical Education major, Bac Ninh Sports University

299. DƯƠNG BÁ TUẤN

Nghiên cứu bài tập phát triển thể lực chung cho nam sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Duong Ba Tuan

Research on general physical fitness development exercises for first-year male students at Hanoi University of Business and Technology

303. NGÔ HẢI HƯNG; TRẦN HUYỀN TRANG

Lựa chọn phương tiện bổ trợ chuyên môn hoàn thiện kỹ thuật đánh bóng xoáy lên thuận và trái tay cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành Quần vợt ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Ngo Hai Hung; Tran Huyen Trang

Selecting professional supplementary aids to perfect the forehand and backhand topspin technique for freshmen majoring in Tennis, Physical Education at Bac Ninh Sports University

PHẦN 3. HUẤN LUYỆN THỂ THAO

309. NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG; PHẠM TUẤN HIỆP

Khảo sát kết quả thi đấu của Đội tuyển Điền kinh Việt Nam tại các kì Asiad giai đoạn 2010-2018

Nguyen Dai Duong; Pham Tuan Hiep

Survey on the results of the Vietnam Athletics Team at the Asian Games in the 2010-2018 period

315. ĐẶNG HOÀI AN; ĐINH HÙNG TRƯỜNG

Diễn biến trình độ thể lực của nữ vận động viên Vật Đới tuyển trẻ quốc gia trong chu kỳ huấn luyện năm

Dang Hoai An; Dinh Hung Truong

Evolution of fitness level of female National Youth Team Wrestling athletes during the year training cycle

319. ĐẶNG VĂN DŨNG

Xác lập nội dung và phân phối Chương trình Huấn luyện năm thứ hai, giai đoạn Huấn luyện ban đầu cho các câu lạc bộ Cờ vua chuyên nghiệp miền Bắc

Dang Van Dung

Establish content and distribution of the Second Year Training Program, the Initial Training phase for Northern Professional Chess clubs

323. TRẦN TRUNG KHÁNH; DƯƠNG VĂN PHƯƠNG

Thực trạng công tác huấn luyện sức bền chuyên môn cho nam VĐV lứa tuổi 13-14, Câu lạc bộ Quần vợt Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Tran Trung Khanh; Duong Van Phuong

Current status of professional endurance training for male tennis players aged 13-14 Thu Duc District, Ho Chi Minh City

328. PHẠM TRƯỜNG NAM; HÀ THỊ LIÊN

Nghiên cứu những lỗi sai thường mắc của nam vận động viên đội tuyển Bắn súng trẻ quốc gia Smolensk - Nga khi thực hiện Bắn súng ngắn hơi

Pham Truong Nam; Ha Thi Lien

Research on the common mistakes of male athletes from the Smolensk - Russia national youth shooting team when performing air pistol shooting

333. NGUYỄN NGỌC TUẤN; NGUYỄN TIẾN CHUNG; NGUYỄN PHƯƠNG THẢO; VÕ VĂN CA

Tương quan giữa phẩm chất ý chí và thành tích thi đấu của vận động viên chạy cự ly ngắn Đội tuyển Điền kinh trẻ Quốc gia Việt Nam tại Trung tâm Đào tạo vận động viên Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Nguyen Ngoc Tuan; Nguyen Tien Chung; Nguyen Phuong Thao; Vo Van Ca

Correlation between will quality and competition performance of short distance runners of Vietnam National Youth Athletics Team at Athlete Training Center of Bac Ninh Sports University

337. NGUYỄN VIỆT HỒNG; NGÔ THỊ HOA

Lựa chọn và ứng dụng bài tập nâng cao chất lượng đòn đá thấp (low kick) trong Muay thái cho nữ vận động viên lứa tuổi 11 – 12 Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao Công an Nhân dân

Nguyen Viet Hong; Ngo Thi Hoa

Selection and application of exercises to improve the quality of low kicks in Muay Thai for female athletes aged 11-12, People's Public Security Sports Training and Competition Center

341. TRƯƠNG THỊ HỒNG TUYẾN

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chuyên môn nâng cao thành tích chạy 4x100m cho đội tuyển Điền kinh nữ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Truong Thi Hong Tuyen

Choosing exercises to develop professional fitness to improve running performance 4x100m for the women's track and field team of Hanoi National University of Education

345. LƯU PHAN XUÂN HOÀNG

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực và kỹ thuật của nữ VĐV Đội tuyển trẻ Taekwondo tỉnh Khánh Hoà

Luu Phan Xuan Hoang

Developing standards for assessing physical fitness and technique of female athletes of Khanh Hoa province's Taekwondo youth team

348. DƯƠNG VĂN PHƯƠNG; TRẦN TRUNG KHÁNH

Lựa chọn bài tập phát triển sức bền chuyên môn cho nam VĐV lứa tuổi 13-14, câu lạc bộ Quần vợt Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Duong Van Phuong; Tran Trung Khanh

Choosing exercises to develop professional endurance for male tennis players aged 13-14 Thu Duc District, Ho Chi Minh City

PHẦN 4. TÂM LÝ, Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO

353. NGUYỄN HOÀNG MINH THUẬN; NGUYỄN THANH ĐẠM; NGUYỄN THỊ THANH TRÀ

Sự biến đổi các chỉ số chức năng sinh lý của nữ vận động viên trẻ xe đạp đường trường tỉnh An Giang sau một năm tập luyện

Nguyen Hoang Minh Thuan; Nguyen Thanh Dam; Nguyen Thi Thanh Tra

Changes in physiological function indexes of young female road cyclists in An Giang province after one year of training

357. LÊ XUÂN ĐIẾP; NGUYỄN LÊ MINH HUY; TRẦN ANH VƯƠNG; WANG XING

Đánh giá sức khỏe tâm lý ở học sinh tiểu học - Nghiên cứu thử nghiệm cắt ngang tại Từ Sơn Bắc Ninh

Le Xuan Diep; Nguyen Le Minh Huy; Tran Anh Vuong; Wang Xing

Assessment of psychological health in primary school students - A cross-sectional trial in Tu Son Bac Ninh

364. PHÙNG THỊ CÚC

Thực trạng trở ngại tâm lý trong hoạt động học tập của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng

Phung Thi Cuc

The reality of psychological obstacles in learning activities of first-year students at Da Nang Sport University

370. NGUYỄN NGỌC MINH

Thực trạng sức khỏe tâm thần hậu Covid-19 của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyễn Ngọc Minh

Post-Covid-19 mental health status of students at Vietnam National University, Hanoi

TIN TỨC, SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT

375. PHẠM TUẤN DŨNG

Bài tập thể dục nâng cao sức khỏe tại văn phòng làm việc

Pham Tuan Dung

Exercise to improve health at the office

THỂ LỆ VIẾT VÀ GỬI BÀI

1 Tạp chí khoa học Đào tạo & Huấn luyện thể thao công bố và giới thiệu các bài viết về các lĩnh vực:

- Lý luận và thực tiễn TDDT đăng tải các quan điểm lý luận về đào tạo và huấn luyện thể thao, các vấn đề về TDDT trong thực tiễn, đồng thời là diễn đàn trao đổi các thông tin mới, kiến thức chuyên ngành về đào tạo, huấn luyện TDDT.

- Bài báo khoa học: Công bố kết quả nghiên cứu các công trình khoa học thuộc các lĩnh vực: Giáo dục thể chất và thể thao trường học; Huấn luyện thể thao; Quản lý TDDT và thể thao cho mọi người; Y sinh - dinh dưỡng TDDT và Tâm lý học TDDT.

- Tin tức - sự kiện và nhân vật TDDT đăng tải các tin tức, sự kiện hay tổng kết các sự kiện và các nhân vật tiêu biểu của TDDT.

Nội dung công bố chưa được gửi đăng ở bất kỳ bản tin, tạp chí nào khác trong nước và quốc tế.

2 Bài viết được soạn thảo trên máy vi tính, bản thảo gửi đăng gồm một bản in chính và một bản điện tử. Bài viết dài không quá 10 trang A4 (font chữ Time New Roman hoặc .vntime, cỡ chữ 13, cách dòng 1.5 lines, lề trái 3cm, lề phải 2 cm, lề trên và dưới 2.5cm). Hình vẽ minh họa hoặc ảnh (nếu có) trình bày với kích thước không quá 7x14cm. Minh họa được chia làm hai loại: Hình và bảng. Bản thảo nếu có minh họa phải đặt đúng vị trí và chú thích rõ ràng.

3 Bài viết, biên dịch được trình bày rõ ràng, dùng thuật ngữ khoa học, các đơn vị đo lường được sử dụng theo quy định do Nhà nước ban hành. Các thuật ngữ khoa học nếu chưa được viết hóa thì ưu tiên dùng nguyên bản tiếng Anh.

4 Cấu trúc bài viết:
- Với bài viết thuộc phần 1 - Lý luận và thực tiễn TDDT và phần 3 - Tin tức, sự kiện và nhân vật cần ghi rõ tên tác giả, học hàm, học vị, đơn vị công tác và số điện thoại liên lạc để trao đổi nội dung bài viết và thông tin về tình hình sử dụng bài viết. Với các bài dịch, cần ghi rõ nguồn dịch.

- Với các bài báo khoa học cần đầy đủ các phần:
+ Tên bài báo: (bằng tiếng Việt và tiếng Anh).
+ Tác giả bài báo (ghi rõ học hàm, học vị, họ và tên, đơn vị công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc)
+ Tóm tắt (bằng tiếng Việt và tiếng Anh).
+ Từ khóa (bằng tiếng Việt và tiếng Anh).
+ Đặt vấn đề
+ Phương pháp nghiên cứu
+ Kết quả nghiên cứu và bàn luận
+ Kết luận
+ Tài liệu tham khảo (Tài liệu tham khảo không quá 10 đơn vị, được trình bày theo quy định nghiên cứu khoa học hiện hành).

+ Nguồn bài báo (Bài báo được trích từ công trình nghiên cứu khoa học nào? cấp nào? đã hoàn thành chưa? Thời gian nghiệm thu?

Mỗi bài viết bằng tiếng Việt Nam khi đăng tải trên tạp chí nộp kinh phí là 700.000đ với số thường kỳ, 1.000.000đ với số đặc biệt và 100USD với bài đăng Tiếng Anh.

5 Bài viết được gửi thương xuyên, không hạn chế về số lượng bài.

Tình hình sử dụng bài đăng sẽ được thông báo với tác giả thông qua số điện thoại trên bài viết. Bài không đăng không trả lại bản thảo.

6 Mỗi tác giả được tặng 01 cuốn tạp chí có bài đăng.

Tạp chí khoa học Đào tạo & Huấn luyện thể thao không nhận đăng các bài viết không đúng với các quy định nói trên.

◆ Mọi giao dịch đề nghị liên lạc theo địa chỉ: Ban biên tập tạp chí khoa học Đào tạo & Huấn luyện thể thao, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.

◆ Địa chỉ: Phường Trang Hạ, Thành phố Từ Sơn, Bắc Ninh.
Điện thoại: 0222 2217765

TS. Mai Thị Bích Ngọc (0988 844943)

Email: tapchikhoahoc.upes1@gmail.com

◆ Tạp chí khoa học Đào tạo & Huấn luyện thể thao được in thành 1.500 cuốn, tại Công ty TNHH kỹ nghệ in Ngôi Sao. Địa chỉ: Số 2, tổ 45, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội. Nộp lưu chiếu quý IV năm 2022.

Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

PHIẾU ĐẶT TẠP CHÍ

Họ và tên:.....

Địa chỉ:

Tel: Fax.....

Từ số.....Đến số.....Số lượng.....Quyển/kỳ

